

Số: **50** /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày **10** tháng **12** năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, chế độ hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy,
quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép
chất ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

*Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc
hội khóa XV;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện
ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số
điều của các nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực
hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác
cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý
sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi, chế độ hỗ trợ đối với công tác cai
nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất
ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số
669/BC-BPC ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi, chế độ hỗ
trợ đối với công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người
sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030.*



Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy; quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; chính sách hỗ trợ đối với người lao động, cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trực tiếp làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện công tác tham mưu tại các phòng thuộc Công an tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác cai nghiện ma túy và điều hành các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện công tác cai nghiện ma túy; quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình, cộng đồng; người sử dụng trái phép chất ma túy đang bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở y tế công lập đủ điều kiện; người sử dụng trái phép chất ma túy và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

2. Người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý xã hội, quản lý, hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy tại cấp xã; thành viên tham gia các phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trực tiếp làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện công tác tham mưu tại các phòng thuộc Công an tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác cai nghiện ma túy và điều hành các cơ sở cai nghiện ma túy; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu tại các cơ sở cai nghiện ma túy.

4. Các cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện; các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

5. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn Đồng Nai; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu quả, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

2. Trường hợp một đối tượng tại cùng một thời điểm đủ điều kiện hưởng

nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Mức chi thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã là 1.000.000đ/người/tháng.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

a) Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để quyết định chế độ cai nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập nhưng không quá 600.000 đồng/người/đợt điều trị;

b) Hỗ trợ chi phí thuốc chữa bệnh thông thường, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh cho người cai nghiện bị bệnh được điều trị tại các cơ sở cai nghiện: Mức chi theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp không quá 50.000 đồng/người/tháng;

c) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: Mức chi theo thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không quá 120.000 đồng/người/tháng;

d) Hỗ trợ chi phí tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp, không quá 120.000 đồng/người/năm;

đ) Hỗ trợ chỗ ở: Miễn phí tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng.

Chi hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy như sau:

a) Tiền ăn: 62.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày). Mức hỗ trợ tiền ăn thêm trong ngày lễ, Tết Dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; mức hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Tết Nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường;

b) Tiền khám sức khỏe: Không quá 600.000 đồng/người/đợt;

c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: Mức chi thanh toán theo thực tế

không quá 600.000 đồng/người/đợt điều trị;

d) Tiền điện, nước sinh hoạt: 20.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày);

đ) Tiền nước uống: 10.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày).

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ đối với người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và các cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện; công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và các cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện.

a) Hỗ trợ tiền ăn: 62.000 đồng/người/ngày (không quá 05 ngày). Mức hỗ trợ tiền ăn thêm trong ngày lễ, Tết Dương lịch (nếu có) không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; mức hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Tết Nguyên đán (nếu có) không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn trong những ngày bị bệnh theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường;

b) Hỗ trợ tiền nước uống: 10.000 đồng/người/ngày (không quá 05 ngày);

c) Hỗ trợ tiền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, không quá 600.000 đồng/người/đợt.

2. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người sử dụng trái phép chất ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Hỗ trợ người trong Tổ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú ổn định hoặc nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với người không có nơi cư trú ổn định ra quyết định: Mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng;

b) Thành viên tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc: 100.000 đồng/thành viên/buổi;

c) Hỗ trợ lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy: 50.000 đồng/hồ sơ;

d) Khoản a, b, c khoản này không áp dụng đối với trường hợp đã được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 127/2014/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức thù lao hàng tháng và một số chế độ hỗ trợ đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trường hợp thời gian quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy dưới 15 ngày thì người được phân công trực tiếp giúp đỡ được hưởng mức hỗ trợ là 500.000 đồng/người. Trường hợp người được phân công trực tiếp giúp đỡ từ 02 người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý trở lên cũng chỉ được hưởng mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Nội dung và chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, người lao động trực tiếp làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện công tác tham mưu tại các phòng thuộc Công an tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác cai nghiện ma túy và điều hành các cơ sở cai nghiện ma túy; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, người lao động trực tiếp làm việc tại các Cơ sở cai nghiện ma túy; cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện công tác tham mưu tại các phòng thuộc Công an tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác cai nghiện ma túy và điều hành các Cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được hỗ trợ là 3.500.000 đồng/người/tháng.

Riêng đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được hỗ trợ là 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Trợ cấp độc hại.

a) Đối với nhân viên y tế và người trực tiếp điều trị, chăm sóc, chữa trị người nghiện bị nhiễm HIV/AIDS tại các cơ sở cai nghiện thì được hưởng hỗ trợ thêm là 500.000 đồng/người/tháng;

b) Trường hợp phơi nhiễm nghề nghiệp (HIV, lao, bệnh truyền nhiễm): Thanh toán chi phí xét nghiệm, thuốc dự phòng theo hóa đơn trong phạm vi dự toán; đồng thời hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/trường hợp sau khi có biên bản xác nhận.

3. Các loại trợ cấp, phụ cấp ưu đãi tại khoản 1, khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Khi điều kiện công tác thay đổi (điều chuyển, nghỉ thai sản, nghỉ bệnh dài ngày), mức hỗ trợ được tính theo thời gian thực tế làm nhiệm vụ.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết.

a) Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi, chế độ hỗ trợ thực hiện biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước;

c) Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định về mức hỗ trợ cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

d) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định chế độ hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Các khoản chi ngoài lương sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này được áp dụng cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Kết luận số 83-KL/TW ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /

Nơi nhận: Phur

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Công an, Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng Thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh